

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Tuyền;

2. Ông Nguyễn Quốc Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa:

Ông Lê Huỳnh Thiện - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976 trú tại số 229/10, đường Thanh niên xung phong, Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1972 trú tại nhà không số (Số cũ là 301), Đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Ngọc H tự nguyện sống chung vào năm 2008, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/5/2012.

Thời gian đầu vợ chồng cũng chung sống hạnh phúc. Nhưng kể từ đầu năm 2010 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế và ông H không tôn

trọng gia đình bà Đ. Bà Đ và ông H đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả.

Từ tháng 4/2017 đến nay bà Đ và ông H đã sống ly thân.

Nay, bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn ông H.

Về con chung: Bà Đ và ông H có 02 con chung là Trần Ngọc P và Trần Ngọc Phúc T. Bà Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ông Trần Ngọc H là bị đơn trình bày:

Ông Trần Ngọc H xác nhận những lời trình bày của bà Đ như ở trên về tình trạng pháp lý đối với quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung của bà ông H và bà Đ là hoàn toàn đúng sự thật. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng theo ông H thì vợ chồng ông H không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những bất đồng nho nhỏ do bà Đ chưa làm đúng trách nhiệm của người vợ, người mẹ một cách trọn vẹn.

Tại phiên tòa:

Bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị kể cả trường H nếu ông H đồng ý ly hôn thì bà Đ cũng không yêu cầu được trực tiếp nuôi con mà sẽ giao cả hai con cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời bà Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Ông H không đồng ý ly hôn vì ông H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì là trầm trọng, có thể hòa giải được hơn nữa cả hai con của ông bà vẫn còn quá nhỏ, rất cần sự chăm sóc về thể chất và tinh thần của cả cha lẫn mẹ. Mâu thuẫn vợ chồng nếu có chỉ là vì bà Đ thường nghe lời dèm pha của một người chị trong gia đình bà Đ.

Hiện nay, ông H đang làm nghề tóc, thu nhập là 30.000.000đồng mỗi tháng, bà Đ cũng làm nghề tóc, thu nhập là 4.000.000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung ông H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho ông H và bà Đ một thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau nuôi dạy con chung; đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/5/2012 thì bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Ngọc H có quan hệ hôn nhân H pháp. Bà Nguyễn Thị Đ xin ly hôn ông Trần Ngọc H. Ông H cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn trình bày về mâu thuẫn vợ chồng là hết sức trầm trọng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và H pháp; Bà Đ luôn cho rằng ông H không quan tâm đến vợ, con nhưng tại phiên tòa bà Đ cũng không nhớ được ngày tháng năm sinh của hai con.

Căn cứ theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè thì cơ quan này không tiếp nhận sự việc mâu thuẫn giữa bà Đ và ông H.

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn giữa bà Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Ngọc H là chưa đến mức trầm trọng, ông H lại tha thiết muốn đoàn tụ gia đình để cùng chăm sóc cho vợ, con. Do vậy, cần thiết tạo điều kiện để cho ông bà có một thời gian nhất định để hòa giải, hàn gắn tình cảm để cùng lo cho con chung đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường của trẻ em nên không chấp nhận xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; điểm a, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 266; 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Trẻ em;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Đ chịu, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp

là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007789 ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt H lệ.

4/ Trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Long